

# NÔNG NGHIỆP TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

**GS. TRÌNH QUỐC CƯỜNG**

*Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế thị trường  
Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện Trung Quốc*

**T**rung Quốc là một nước nông nghiệp lớn đang phát triển với dân số 1,3 tỷ người. Trong lịch sử Trung Quốc, nông nghiệp được cho là ngành nghề chiến lược có thể “giữ yên thiên hạ, ổn định lòng dân”. Cuộc cải cách nông nghiệp lấy thị trường hóa làm định hướng bắt đầu từ năm 1978 là bước ngoặt mang tính lịch sử trong lịch sử phát triển ngành nông nghiệp Trung Quốc. Nó không chỉ phá vỡ sự trói buộc của thể chế truyền thống, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế nông nghiệp, tạo nên kỳ tích chưa đến 9% diện tích đất canh tác trên thế giới có thể nuôi sống gần 21% dân số toàn thế giới, mà còn lôi kéo và thúc đẩy Trung Quốc triển khai toàn diện công cuộc cải cách thể chế kinh tế, hỗ trợ có hiệu quả cho sự tăng trưởng với tốc độ cao của nền kinh tế Trung Quốc. Cuối năm 2001, Trung Quốc gia nhập WTO, trình độ mở

cửa đối ngoại của nông nghiệp Trung Quốc được nâng cao rất nhiều, mức độ liên quan giữa nông nghiệp Trung Quốc với nông nghiệp thế giới nảy sinh những thay đổi to lớn. Trong hệ thống thương mại thế giới, Trung Quốc là một nước sản xuất và tiêu dùng hàng nông sản lớn, có thể chịu những ảnh hưởng bất lợi của trong cạnh tranh quốc tế, nhưng đồng thời cũng có những ảnh hưởng cực lớn đối với thị trường quốc tế.

## **I. NÔNG NGHIỆP TRUNG QUỐC: TĂNG TRƯỞNG VÀ THAY ĐỔI CƠ CẤU**

### **1. Nông nghiệp với tăng trưởng kinh tế Trung Quốc**

Với tư cách là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, ngành nông nghiệp đã có những cống hiến to lớn đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. Năm 1978, nông nghiệp đã đóng góp 28,1% tổng giá trị sản xuất quốc nội, thu hút được

70,5% số lao động việc làm (biểu đồ 1). Cải cách mở cửa bắt đầu từ năm 1978 đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Trong khoảng thời gian từ năm 1979 đến 2006, bình quân hàng năm, GDP của Trung Quốc tăng trưởng thực tế 9,7%. Mặc dù ngành nông nghiệp (4,6%) chưa đạt được tỷ lệ tăng trưởng cao như công nghiệp (11,3%) và ngành dịch vụ (10,7%), nhưng sự tăng trưởng ổn định của nông nghiệp đã hỗ trợ có hiệu quả cho sự tăng trưởng cao của nền kinh tế Trung Quốc cũng như thúc đẩy cải cách mở cửa tiến triển thuận lợi.

Điều khiến mọi người chú ý là, cùng

với sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp hóa và đô thị hóa, nền kinh tế Trung Quốc đã xuất hiện những chuyển biến mang tính kết cấu trên quy mô lớn, hạn ngạch của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân giảm dần theo từng năm (bảng 1 và biểu đồ 1). Đến năm 2006, hạn ngạch của nông nghiệp chiếm trong GDP giảm xuống còn 11,8%, hạn ngạch việc làm giảm xuống còn 42,6%. Trong mậu dịch đối ngoại, hạn ngạch xuất khẩu nông nghiệp giảm từ 26,7% năm 1980 xuống còn 3,2% năm 2006, hạn ngạch nhập khẩu giảm từ 33,8% xuống còn 4%.

**Bảng 1: Sự thay đổi cơ cấu kinh tế Trung Quốc (%)**

Năm	1978	1980	1985	1990	1995	2000	2005	2006
<b>Cơ cấu GDP</b>								
Nông nghiệp	28.1	30.1	28.4	27.1	20.5	16.4	12.5	11.8
Công nghiệp	48.2	48.5	43.1	41.6	48.8	50.2	47.5	48.7
Ngành dịch vụ	23.7	21.4	28.5	31.3	30.7	33.4	40	39.5
<b>Cơ cấu việc làm</b>								
Nông nghiệp	70.5	68.7	62.4	60.1	52.2	50	44.8	42.6
Công nghiệp	17.3	18.2	20.8	21.4	23	22.5	23.8	25.2
Ngành dịch vụ	12.2	13.1	16.8	18.5	24.8	27.5	31.4	32.2
<b>Cơ cấu xuất khẩu</b>								
Nông sản phẩm		26.7	24.5	17.2	9.4	6.3	3.6	3.2
<b>Cơ cấu nhập khẩu</b>								
Nông sản phẩm		33.8	12.1	16.1	9.3	5	4.3	4.0
<b>Tỷ lệ dân số nông thôn</b>	82.1	80.6	76.3	73.6	71.0	63.8	57	56.1

*Nguồn:* Cục Thống kê Nhà nước, “Niên giám thống kê Trung Quốc”, các kỳ trong lịch sử.

**2. Thành tựu tăng trưởng nông nghiệp**

Kể từ khi nước Trung Quốc mới được thành lập vào năm 1949, nông nghiệp Trung Quốc đã trải qua các giai đoạn thay đổi thể chế như cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông nghiệp, công xã nhân dân nông thôn và cải cách thị trường hóa, mở cửa đối ngoại v.v... Thể chế công xã nhân dân từ năm 1978 trở về trước cũng như chế độ thống nhất thu mua, thống nhất buôn bán đối với hàng nông sản đã trói buộc nghiêm trọng tính tích cực trong sản xuất nông nghiệp, dẫn đến sản xuất nông nghiệp trì trệ, cơ cấu nông nghiệp đơn nhất, nông nghiệp rơi vào tình trạng bần cùng lạc hậu trong một thời gian dài.

Năm 1978, công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc được bắt đầu từ nông thôn, rồi nhanh chóng triển khai mở rộng ra khắp các địa phương trong cả nước và trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, nông nghiệp phát triển với tốc độ nhanh chóng. Thời kỳ đầu cải cách mở cửa, do đã xoá bỏ chế độ công xã nhân dân, thực hiện chế độ khoán đến hộ gia đình nên đã thúc đẩy rất lớn tính tích cực của nông dân. Từ năm 1978 đến 1984, sản lượng lương thực của Trung Quốc thực tế trung bình hàng năm tăng trưởng 5%, rau xanh và hoa quả lần lượt đạt 7,5% và 7,2%, còn sản lượng bông thì đạt 19,3%, vượt xa tỷ lệ tăng trưởng trong thập niên 60, 70 của thế kỷ XX (bảng 2). Giữa những năm 90 của thế kỷ XX, cục diện cung cầu sản phẩm nông nghiệp của Trung

Quốc nảy sinh những thay đổi có tính căn bản, từ thiếu hụt trường kỳ sang tổng lượng cơ bản cân đối, thu hoạch hàng năm dư dật, lượng lương thực phẩm bình quân đầu người tăng trưởng mạnh (biểu đồ 2), nông nghiệp bước vào giai đoạn phát triển mới. Kể từ năm 1999, do những thay đổi trong kết cấu cung cầu hàng nông sản, lương thực xuất hiện xu thế giảm sản lượng. Từ năm 1999 đến 2003, bình quân hàng năm giảm 4,1% (bảng 2). Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2004, Chính phủ Trung Quốc liên tục công bố 4 văn kiện số 1 Trung ương về vấn đề hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn, khiến cho việc sản xuất nông sản có những biến động phức tạp. Ví dụ, trong giai đoạn từ năm 2004 đến 2006, tỷ lệ tăng trưởng lương thực bình quân hàng năm đạt 2,96%, ngoại trừ đổ tương giảm sản lượng và sản xuất lúa nước đảm bảo sự ổn định ra, sản xuất lúa mạch và ngô đều tăng mạnh.

*Tóm lại*, điều gì đã tạo nên kỳ tích tăng trưởng nông nghiệp Trung Quốc khiến cả thế giới phải ngưỡng mộ? Rất nhiều nghiên cứu cho thấy, điều này vừa bao gồm vai trò rất lớn của việc xây dựng chế độ như chế độ trách nhiệm khoán đến hộ gia đình thời kỳ đầu cải cách (Fan, 1991; Lin, 1992), vừa không thể tách rời khỏi những cống hiến của tiến bộ kỹ thuật (Huang và Rozelle, 1996; Fan và Pardey, 1997), đồng thời còn bao gồm cả vấn đề tăng thu nhập nông nghiệp, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng như thủy lợi ruộng đồng..., cải

cách thị trường hoá cơ chế hình thành giá cả nông sản cũng như thể chế lưu thông, mở rộng mở cửa đối ngoại nông nghiệp v.v...

**Bảng 2: Tỷ lệ tăng trưởng nông sản bình quân hàng năm ở Trung Quốc (%)**

	1950-1969	1970-1977	1978-1984	1985-1998	1999-2003	2004-2006
Lương thực	2.5	2.4	5.0	2.3	-4.1	2.96
Lúa nước	2.9	2.3	4.5	1.3	-5.1	0.97
Tiểu mạch	3.4	5.0	8.5	1.9	-6.6	6.59
Ngô	3.1	5.9	4.6	5.8	-2.5	5.67
Đỗ tương	0.1	-2.6	4.2	2.9	1.9	-4.1
Bông	6.0	-1.5	19.3	0.6	6.1	3.44
Rau xanh	-1.8	3.1	7.5	7.8	10.0	2.92
Hoa quả	5.4	6.1	7.0	12.6	23.5	6.07
Sản phẩm thịt	14.7	4.2	9.0	8.3	4.2	5.42
Thủy sản	6.3	5.7	4.9	14.1	3.4	3.49

*Nguồn:* Theo “Niên giám thống kê Trung Quốc” của Cục Thống kê Nhà nước, tính toán của các kỳ trong lịch sử.

### 3. Thay đổi cơ cấu nông nghiệp

Đồng thời với sự phát triển nhanh chóng của nông nghiệp, mức tăng trưởng cao của nền kinh tế quốc dân, tốc độ đô thị hoá và mức sống người dân được nâng cao, nhu cầu thực phẩm như thịt, thủy sản, hoa quả, rau xanh... tăng mạnh, cơ cấu nông nghiệp cũng nảy sinh những thay đổi rõ rệt. Trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, tỷ trọng ngành chăn nuôi đã tăng từ 15% năm 1978 lên 32,2% năm 2006, thủy sản tăng từ 1,6% lên 10,4%, trong khi đó, ngành trồng trọt lại giảm từ 80% xuống còn 50,8% (biểu đồ 3).

Tiếp tục quan sát, trong diện tích các loại cây trồng nông nghiệp, diện tích

lương thực giảm dần theo từng năm, từ 80,3% năm 1978 xuống còn 67,2% năm 2006, còn diện tích các loại cây trồng nông nghiệp có giá trị cao thì không ngừng tăng lên, từ 19,7% lên 32,8% (biểu đồ 4). Trong các loại cây trồng lương thực, diện tích lúa nước và tiểu mạch từng bước giảm xuống, còn diện tích ngô thì tăng lên cùng với sự gia tăng nhu cầu thức ăn gia súc do ngành chăn nuôi tăng trưởng, đồng thời sự phát triển của nguồn năng lượng sinh vật và ngành gia công sâu cũng có sự tăng trưởng. Trong các loại cây trồng kinh tế, diện tích rau xanh và hoa quả tăng trưởng tương đối rõ rệt, diện tích cây hạt dầu từng bước được mở rộng, diện tích bông tương đối ổn định.

Ngành chăn nuôi cũng từng bước chuyển từ kết cấu theo mô hình nuôi lợn đơn nhất trước đây sang kết cấu phát triển đa dạng các sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ví dụ, định mức thịt lợn trong các loại thịt giảm từ 83,6% năm 1982 xuống còn 64,6% năm 2006, thịt gia cầm tăng từ 9,5% lên 20%, thịt bò tăng từ 2,1% lên 9,3% (Cục Thống kê Nhà nước, 2006).

**4. Thay đổi cơ cấu tiêu dùng thực phẩm**

Trung Quốc không chỉ đã giải quyết được vấn đề cơm ăn cho số lượng dân số khổng lồ, mà cùng với

sự tăng trưởng của thu nhập và nâng cao trình độ đô thị hoá, cơ cấu tiêu dùng thực phẩm còn có những thay đổi rõ rệt. *Thứ nhất*, mức tiêu thụ lương thực và rau xanh bình quân đầu người của cư dân thành thị và nông thôn giảm xuống rõ rệt, lượng tiêu thụ thịt các loại và thuỷ sản tăng. Ví dụ, năm 2006, lượng tiêu thụ lương thực bình quân đầu người của cư dân thành thị đã giảm 47,5% so với năm 1983, của cư dân nông thôn giảm 21%. Lượng tiêu thụ bình quân đầu người sản phẩm thịt các loại của cư dân thành thị tăng 20%, của cư dân nông thôn tăng 70% (bảng 4).

**Bảng 4: Lượng tiêu thụ bình quân đầu người thực phẩm chủ yếu của cư dân thành thị và cư dân nông thôn (kg/người/năm)**

Năm	Lương thực		Rau xanh		Dầu thực vật		Thịt lợn, bò, cừu		Gia cầm		Thuỷ sản	
	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị
1983	260.0	144.5	131.0	165.0	3.5	6.5	10.0	19.9	0.8	2.6	1.6	8.1
1985	257.0	134.8	131.1	144.4	4.0	5.8	11.0	18.7	1.0	3.2	1.6	7.1
1990	262.0	130.7	134.0	138.7	5.2	6.4	11.3	21.7	1.3	3.4	2.1	7.7
1995	258.9	97.0	104.6	118.6	5.8	7.6	11.3	19.7	1.8	4.0	3.4	9.2
2000	249.5	82.3	112.0	114.7	7.1	8.2	14.6	20.1	2.9	7.4	3.9	11.7
2006	205.6	75.9	100.5	117.6	5.8	9.4	17	23.8	3.5	8.3	5	13

*Nguồn:* Cục Thống kê Nhà nước, “Niên giám thống kê Trung Quốc”, các kỳ trong lịch sử.

*Thứ hai*, khoảng cách về cơ cấu tiêu dùng giữa cư dân nông thôn và cư dân thành thị có xu thế rút ngắn. Năm 2006, khoảng cách tiêu thụ bình quân đầu người đối với thịt lợn, bò, cừu giữa cư dân thành thị và cư dân nông thôn rút

từ 2 lần xuống 1,4 lần, thịt gia cầm rút từ 3,3 lần xuống còn 2,4 lần (bảng 4). *Thứ ba*, khoảng cách về trình độ tiêu dùng giữa cư dân thành thị và cư dân nông thôn có xu thế ngày càng lớn. Từ năm 1985 đến năm 2006, chênh lệch chi

phí tiêu dùng sinh hoạt bình quân đầu người giữa cư dân thành thị và cư dân nông thôn tăng từ 2,1:1 lên 3,6:1. Tỷ trọng chi dùng cho thực phẩm chiếm trong tổng chi phí tiêu dùng sinh hoạt của cư dân nông thôn (hệ số Engel) giảm từ 57,8% xuống còn 43%, của cư dân thành thị thì giảm từ 53,3% xuống còn 35,8% (biểu đồ 5). Khoảng cách chênh lệch chi dùng cho thực phẩm bình quân đầu người giữa cư dân thành thị và cư dân nông thôn mở rộng từ 2,0:1 lên 3,7:1 (Cục Thống kê Nhà nước, 2007).

## **II. GIA NHẬP WTO: NÔNG NGHIỆP TRUNG QUỐC GIA NHẬP HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI**

### ***1. Nông nghiệp Trung Quốc: cùng chia sẻ lợi ích của nhất thể hoá kinh tế toàn cầu***

Hiện nay, Trung Quốc đang chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch sang thể chế kinh tế thị trường, từ kinh tế khép kín sang tham gia vào nhất thể hoá kinh tế toàn cầu. Nông nghiệp Trung Quốc không chỉ thực hiện tăng trưởng với tốc độ cao, thay đổi kết cấu rõ nét, mà còn cùng với việc gia nhập WTO, mở cửa đối ngoại toàn diện thị trường trong nước, tiếp tục tăng thêm sự liên kết với hệ thống thương mại thế giới. Để đảm bảo sự thống nhất với tốc độ tăng trưởng cao của mậu dịch đối ngoại, mậu dịch hàng nông sản Trung Quốc cũng có sự phát triển nhanh chóng. Xuất khẩu nông sản Trung Quốc tăng từ 11,3 tỷ USD năm 1992<sup>(1)</sup> lên 31,03 tỷ USD năm 2006, bình

quân mỗi năm tăng trưởng 7,5%. Nhập khẩu nông sản phẩm tăng từ 5,3 tỷ USD lên 31,99 tỷ USD, bình quân mỗi năm tăng trưởng 13,7% (bảng 5). Trung Quốc đã trở thành nước xuất khẩu nông sản phẩm lớn thứ 5 thế giới sau Mỹ, EU, Canada, Brasil, cũng là nước nhập khẩu nông sản phẩm lớn thứ 4 thế giới ngoài EU, Mỹ, Nhật Bản, có vai trò vô cùng quan trọng trong thị trường nông sản phẩm thế giới.

Mặc dù mậu dịch nông sản của Trung Quốc tăng trưởng tương đối nhanh, nhưng hạn ngạch xuất khẩu nông sản trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngoại thương có xu thế giảm xuống, từ 13,3% năm 1992 xuống còn 3,2% năm 2006, hạn ngạch nhập khẩu từ 6,6% giảm xuống 4%. So sánh có thể thấy, trong kết cấu mậu dịch của nhiều quốc gia, xuất khẩu nông sản vẫn có vai trò hết sức quan trọng, ví dụ như tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của New Zealand có 59% là hàng nông sản, Chilê đạt 39%, Braxin đạt 32%, Ôxtrâyliya đạt 26%, Thái Lan đạt 17%, Canada đạt 13% và Mỹ đạt 10%.

Những thành tích thực tế trong tăng trưởng mậu dịch nông sản của Trung Quốc cho thấy, việc nông nghiệp tham gia vào cạnh tranh thị trường quốc tế, cùng chia sẻ lợi ích của nhất thể hoá kinh tế toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc phát triển.

**Bảng 5: Mậu dịch nông sản phẩm Trung Quốc năm 1992 - 2006<sup>(a)</sup>**

	Đơn vị	1992	1995	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Giá trị gia tăng nông nghiệp (giá hiện tại)	tỷ NDT	580	1199.3	1462.8	1541.2	1611.7	1709.2	2076.8	2307	2470
Giá trị gia tăng nông nghiệp <sup>b</sup> (giá hiện tại)	tỷ USD	105.3	143.6	176.7	186.1	194.6	206.4	250.9	281.6	309.8
Xuất khẩu nông sản	tỷ USD	11.30	14.40	15.60	16.10	18.10	21.20	23.10	27.60	31.03
Nhập khẩu nông sản	tỷ USD	5.30	12.20	11.20	11.80	12.40	18.90	28.00	28.70	31.99
Xuất khẩu tịnh nông sản	tỷ USD	6.00	2.20	4.40	4.30	5.70	2.30	-4.90	-1.10	-0.96
Tỷ trọng trong tổng kim ngạch mậu dịch										
Xuất khẩu nông sản	%	13.3	9.7	6.3	6.1	5.6	4.8	3.9	3.6	3.2
Nhập khẩu nông sản	%	6.6	9.2	5	4.9	4.2	4.6	5.0	4.3	4.0
Tỷ trọng giá trị gia tăng nông nghiệp tương đối										
Xuất khẩu nông sản	%	10.8	10	8.8	8.7	9.3	10.3	9.2	9.8	10.0
Nhập khẩu nông sản	%	5	8.5	6.3	6.4	6.4	9.2	11.2	10.2	10.3
Tổng ngạch xuất nhập khẩu nông sản	%	15.8	18.5	15.2	15	15.7	19.4	20.4	20.0	20.3

*Chú thích:* a. Nông sản phẩm trong bảng này được thống kê theo “Định nghĩa của WTO + thủy sản” (tức thực phẩm + nguyên liệu nông nghiệp).

b. Tính toán theo tỷ giá hối đoái quan phương giữa đồng NDT với USD.

*Nguồn:* Tổng cục Hải quan: “Thống kê hải quan Trung Quốc”; Cục Thống kê Nhà nước: “Niên giám thống kê Trung Quốc”, các kỳ trong lịch sử.

*Trước hết,* xuất khẩu nông sản của Trung Quốc đã từng có ý nghĩa đóng góp ngoại tệ rất quan trọng. Trong vòng 12 năm từ năm 1992 đến 2003, xuất siêu

ngoại thương Trung Quốc tổng cộng đạt 242,65 tỷ USD, xuất khẩu thuần nông sản tổng cộng đạt 51,33 tỷ USD, chiếm 21,2%. Trong đó, năm 1992 xuất khẩu thuần nông sản đạt 2,62 tỷ USD, chiếm trên 60% kim ngạch xuất siêu ngoại

thương của cả nước. Năm 2003 đạt 2,35 tỷ USD, chiếm 9,2%, nhưng bắt đầu từ năm 2004, mậu dịch nông sản của Trung Quốc bắt đầu bước vào giai đoạn nhập siêu, vai trò cống hiến ngoại tệ của nông sản có xu hướng kết thúc.

**Bảng 6: Xuất khẩu nông sản Trung Quốc: Nông sản theo loại hình tập trung lao động và đất đai**

	triệu USD	triệu USD	Hạn ngạch (%)	triệu USD	Hạn ngạch (%)
1998	13258.0	9223.4	69.6	2065.3	15.6
1999	12895.0	9409.6	73.0	1969.7	15.3
2000	15035.6	10970.9	73.0	2533.2	16.8
2001	15975.1	12589.6	78.8	1716.3	10.7
2002	18019.0	13755.4	76.3	2495.1	13.8
2003	21243.4	16005.8	75.3	3198.2	15.1
2004	23216.2	20295.0	87.4	2314.9	10.0
2005	27234.5	23249.6	85.4	3264.6	12.0
2006	31167.8	27384.8	87.9	2968.0	9.5

*Chú thích:* a. Nông sản theo loại hình tập trung lao động: thủy sản, sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm làm vườn, sản phẩm gia công nông sản.

b. Nông sản theo loại hình tập trung đất đai: nông sản có khối lượng lớn như lương thực, cây hạt đậu, bông...

*Nguồn:* Chính lý theo số liệu thống kê hải quan Trung Quốc.

*Thứ hai,* phát huy vai trò ngày càng lớn đối với việc mở rộng việc làm cho nông dân, thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân và điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông nghiệp. Những nghiên cứu có liên quan cho thấy, hệ số nhân xuất khẩu nông sản của Trung Quốc năm 2002 là 1,66, tương đương với hoạt động kinh tế xuất khẩu 1 USD nông sản có thể phát sinh ra 1,66 USD ngoại định mức. Cứ mỗi 1 USD xuất khẩu nông sản có thể

trực tiếp và gián tiếp tạo ra gần 28 vị trí làm việc (Trình Quốc Cường, 2004). Bảng 6 cho thấy, việc xuất khẩu nông sản theo loại hình tập trung nhiều lao động chiếm 87,8% kim ngạch xuất khẩu nông sản của Trung Quốc, không những thế còn có xu thế tiếp tục mở rộng. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao sức cạnh tranh của nông nghiệp Trung Quốc cũng như để nền nông nghiệp Trung Quốc phát huy ưu thế so sánh.



Thứ ba, nhập khẩu nông sản đã làm giảm áp lực thiếu hụt nguyên liệu nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp phát huy ưu thế so sánh và ưu hoá việc phân phối nguồn tài nguyên nông nghiệp. Bảng 7 cho thấy, năm 2006, ở Trung Quốc, trong 31,99 tỷ USD nhập khẩu nông sản, nông sản theo hình thức tập trung nhiều đất đai và có tính tài nguyên chiếm 63,3%. Ví dụ năm 2006, Trung Quốc nhập khẩu 2827 vạn tấn đỗ tương, đạt 7,5 tỷ USD, chiếm 23,4% tổng kim ngạch nhập khẩu

nông sản. Nhập khẩu đậu tương đã vượt 1,8 lần so với con số 1550 vạn tấn sản xuất trong nước. Điều này có nghĩa là trên 80% nhu cầu đỗ tương lột vỏ trong nước được nhập khẩu từ nước ngoài. Tiếp đó là bông, lượng nhập khẩu là 364,3 vạn tấn, đạt 4,9 tỷ USD, chiếm 15,3% tổng kim ngạch nhập khẩu nông sản. Ngoài ra, Trung Quốc còn nhập khẩu một số nông sản có tính nguyên liệu như cá đông lạnh, dầu cọ, bột cá, lông cừu v.v...

**Bảng 7: Cơ cấu nhập khẩu nông sản Trung Quốc 2006**

	Lượng nhập khẩu (vạn tấn)	Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	Tỷ lệ trong tổng kim ngạch nhập khẩu nông sản (%)
Đỗ tương	2827	7,5	23,4
Bông	364.3	4,9	15.3
Cá đông lạnh	172.8	2,41	7.5
Dầu cọ	420	1,9	5.9
Lông cừu	27.8	1,26	3.9
Bột cá dùng làm thức ăn gia súc	97.9	0,94	2.9
Dầu đậu nành	15.4	0,8	2.5
Đường ăn	136.5	0,55	1.7
Mặt hàng khác		11,73	36.7
Tổng kim ngạch nhập khẩu nông sản		31,99	100

Nguồn: Chính lý theo số liệu thống kê hải quan Trung Quốc.

**2. Nông nghiệp Trung Quốc tham gia vào hệ thống mậu dịch thế giới ở mức độ nào?**

Nhìn tổng thể, hiện nay, nền kinh tế Trung Quốc đã gia nhập vào hệ thống

kinh tế thế giới ở mức độ tương đối lớn. Trung Quốc vừa chia sẻ những lợi ích to lớn của toàn cầu hoá kinh tế, cũng vừa trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới, khiến cho có nhiều quốc

gia được hưởng lợi ích hơn nữa. Hiện nay, Trung Quốc đã trở thành nước thu hút đầu tư trực tiếp ngoại thương lớn nhất, mức độ phụ thuộc vào mậu dịch đối ngoại của nền kinh tế Trung Quốc đã lên tới 67%<sup>(2)</sup>.

Mặc dù mức độ liên quan<sup>(3)</sup> giữa nông nghiệp Trung Quốc với thị trường thế giới ngày càng tăng lên, từ 15,8% năm 1992 lên 20,3% năm 2006 (bảng 5), nhưng đối với toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc mà nói, mức độ phụ thuộc thương mại của nông nghiệp không rõ ràng. So sánh quốc tế có thể thấy, hiện nay, xuất khẩu nông sản của Trung Quốc chỉ chiếm 10% trong giá trị gia tăng nông nghiệp quốc nội<sup>(4)</sup>, còn của Mỹ là 41,1%, EU là 34%, Nga là 36%<sup>(5)</sup>. ở những quốc gia mà xuất khẩu nông sản chiếm địa vị chủ đạo như Canada, Ôxtrâyliya, Braxin và Thái Lan... thì mức độ phụ thuộc vào thương mại của nông nghiệp lên đến 90% - 175%. Điều này có nghĩa là ngành nông nghiệp của những quốc gia này phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thế giới, việc thúc đẩy tự do hóa thị trường nông sản quốc tế có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển nông nghiệp của các quốc gia này. Rõ ràng, sự tăng trưởng nông nghiệp Trung Quốc phụ thuộc càng nhiều vào nhu cầu bên trong thì tài nguyên nông nghiệp sẽ chủ yếu được bố trí vào việc giải quyết vấn đề cung cấp sản phẩm nông sản chủ yếu như lương thực... trong nước. Ngược lại, mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu của nông sản Trung Quốc ngày càng cao, từ 5% năm 1992 lên 10,3% năm 2006, có nghĩa là Trung Quốc đang trở thành một nước nhập khẩu nông sản lớn ngày càng

quan trọng. Trung Quốc đã từ vị trí là nước nhập khẩu nông sản lớn thứ 8 thế giới vào những năm đầu thập niên 90 vươn lên vị trí thứ 4 sau EU, Mỹ và Nhật Bản. Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu một số nông sản như đỗ tương, bông, dầu cọ, long cừu, đại mạch, đường ăn v.v... lớn nhất thế giới.

### **3. Tiếp tục mở cửa đối ngoại: thời kỳ quá độ sau khi gia nhập WTO**

Mặc dù hiện nay mức độ tham gia của nông nghiệp Trung Quốc vào mậu dịch nông sản thế giới còn tương đối hạn hẹp, nhưng trên thực tế, từ khi gia nhập WTO vào cuối năm 2001, những rào cản ngăn nông nghiệp Trung Quốc mở cửa toàn diện thị trường đã cơ bản được gỡ bỏ. Đặc biệt là bắt đầu từ năm 2005, nền nông nghiệp Trung Quốc cơ bản kết thúc thời kỳ quá độ giành được trong đàm phán gia nhập WTO, bước vào "thời kỳ hậu quá độ" gia nhập WTO. Trung Quốc trở thành một trong những quốc gia mở cửa thị trường nông sản rộng nhất trên thế giới.

*Thứ nhất*, thuế quan hàng nông sản giảm đến điểm cuối cùng trong cam kết, tức là từ mức 23,2% trước khi gia nhập WTO vào năm 2001 xuống còn 15,3% năm 2006, thấp hơn rất nhiều so với mức thuế quan trung bình của hàng nông sản thế giới là 62% (biểu đồ 6), trở thành một trong những quốc gia có tổng mức thuế quan hàng nông sản thấp nhất trên thế giới hiện nay.

*Thứ hai*, kể từ năm 2004, số lượng hạn ngạch phân phối mức thuế quan nhập khẩu hàng nông sản trọng điểm như lương thực đã đạt điểm cao nhất.

Trước mắt sẽ tiếp tục duy trì mức cao như vậy (bảng 8). Ví dụ, tiểu mạch là 963,6 vạn tấn, ngô là 720 vạn tấn, đường ăn là 194,5 vạn tấn, bông là 89,4 vạn tấn. Ngoại trừ tiểu mạch tiếp tục đảm bảo tỉ lệ mậu dịch quốc doanh là 90% ra, tỷ lệ mậu dịch quốc doanh của những mặt hàng nông sản khác sẽ từng

bước giảm xuống. Năm 2005 đã xóa bỏ chế độ kinh doanh chỉ định nhập khẩu đối với mặt hàng lông cừu và sợi len. Năm 2006 xóa bỏ quản lý hạn ngạch phân phối thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải, thực hiện quản lý thuế quan đơn nhất 9%.

**Bảng 8: Hạn ngạch thuế quan hàng nông sản Trung Quốc năm 2006**

	Hạn ngạch (10.000 tấn)	Mức thuế quan trong hạn ngạch (%)	Chia STE (%)	Không chia STE (%)	Mức thuế quan ngoài hạn ngạch (%)
Lúa mạch	963.6	1%	90%	10%	65
Ngô	720	1-10%	60	40	65
Gạo	532	1-9%	50	50	65
Đường ăn	194.5	15%	70	30	50
Bông	89.4	1%	33	67	40
Sợi len	28.7	1%			38

*Nguồn: MOFCOM.*

*Thứ ba*, Trung Quốc cam kết kể từ khi gia nhập WTO đã xóa bỏ được chế độ hỗ trợ xuất khẩu nông sản, cam kết sẽ hạn chế mức hỗ trợ vàng trong việc hỗ trợ trong nước ở mức 8,5%, thấp hơn mức của các quốc gia đang phát triển khác.

**4. Vì sao ảnh hưởng khi gia nhập WTO đối với nông nghiệp Trung Quốc không lớn**

Từ khi Trung Quốc gia nhập WTO đến nay, các hàng nông sản chủ lực như lương thực mà nước ngoài có ưu thế không vào thị trường Trung Quốc như đã dự đoán, tình hình xung đột nghiêm trọng mà

nông nghiệp gặp phải như hầu hết mọi người đều lo lắng không xuất hiện. Nguyên nhân của nó như sau:

*Thứ nhất*, Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng vấn đề “tam nông”, căn cứ vào tình hình mới khi gia nhập WTO, áp dụng một loạt biện pháp chính sách hỗ trợ nông nghiệp trực tiếp hơn, có hiệu quả hơn (bảng thông tin 1, bảng 9), thúc đẩy điều chỉnh chiến lược nông nghiệp và kết cấu kinh tế nông thôn, nâng cao sức cạnh tranh của nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển ổn định bền vững.

**BẢNG THÔNG TIN 1: ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG QUỐC**

Từ năm 2001, chính sách nông nghiệp mới Chính phủ Trung Quốc áp dụng:

1. Chính sách thu thuế nông nghiệp: xoá bỏ thuế nông nghiệp, thuế giết mổ gia súc, thuế chăn nuôi, thuế đặc sản nông nghiệp;
2. Chính sách hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp đối với nông dân trồng lương thực (bắt đầu từ năm 2004), hỗ trợ mở rộng giống (bắt đầu năm 2004), hỗ trợ thu mua máy móc nông cụ (bắt đầu năm 2004), hỗ trợ tổng hợp tư liệu sản xuất nông nghiệp (bắt đầu năm 2006);
3. Giá thu mua thấp nhất lương thực, lúa gạo (bắt đầu năm 2005), lúa mì (bắt đầu năm 2006);
4. Hỗ trợ tổng hợp tư liệu sản xuất nông nghiệp (bắt đầu năm 2006)

**Bảng 9: Chính sách đền bù nông nghiệp Trung Quốc (100 triệu NDT)**

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Hỗ trợ trực tiếp lương thực	116	132	142
Hỗ trợ mở rộng giống	28,52	37,52	40,2
Hỗ trợ thu mua máy móc nông cụ	0,7	3	6,7
Hỗ trợ tổng hợp tư liệu sản xuất nông nghiệp	-	-	125

Nguồn: Bộ Tài chính

*Thứ hai*, hiệu ứng trì trệ của ảnh hưởng gia nhập WTO làm cho tác động của áp lực cạnh tranh quốc tế đối với nông nghiệp Trung Quốc trong một thời gian ngắn chưa thể hiện ra ngoài.

*Thứ ba*, sự biến động về giá của thị trường trong và ngoài nước về khách quan đã làm giảm bớt áp lực nhập khẩu. Ví dụ năm 2002, do các nước sản xuất lương thực chủ yếu trên thế giới bị thiên tai nghiêm trọng, dẫn đến giá lương thực quốc tế tăng 25-30%, mà trong thời gian từ năm 1997 đến năm 2003, giá lương thực của Trung Quốc liên tục giảm xuống trong 7 năm, lương thực nước ngoài không có điều kiện giá cả gia nhập

thị trường Trung Quốc.

**5. Ảnh hưởng của thời kỳ quá độ sau khi gia nhập WTO**

Thời kỳ quá độ sau khi gia nhập WTO của nông nghiệp Trung Quốc có nghĩa là nông nghiệp Trung Quốc bước vào giai đoạn mới mở cửa đối ngoại, sẽ từng bước tham gia vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế. Những nhân tố có lợi cho nông nghiệp Trung Quốc sẽ dần dần mất đi, một số nhân tố bất lợi ở tầng thứ sâu đang hiện ra, áp lực cạnh tranh quốc tế mà nông nghiệp phải đối mặt sẽ nâng lên toàn diện. Đặc biệt là cục diện nông nghiệp truyền thống kinh doanh phân

tán, quy mô nhỏ của Trung Quốc sẽ khó cạnh tranh với nông nghiệp hiện đại hoá, quy mô lớn của nước ngoài, trong thời gian dài sẽ không có sự thay đổi; môi trường mậu dịch hàng nông sản quốc tế không công bằng hình thành do các nước phát triển hỗ trợ cao, bảo hộ cao đối với nông nghiệp trong thời gian ngắn cũng sẽ không có sự thay đổi cơ bản. Ảnh hưởng và thách thức đối với nông nghiệp Trung Quốc sau khi gia nhập WTO là lâu dài, trong thời kỳ quá độ sau khi gia nhập sẽ dần dần thể hiện. Biểu hiện cụ thể ở:

*Thứ nhất*, áp lực nhập khẩu nông sản phẩm ngày càng lớn. Vài năm gần đây, nhập khẩu nông sản phẩm như đậu tương, bông... tăng mạnh. Chẳng hạn, nhập khẩu đậu tương đã vượt quá 1,8 lần sản lượng trong nước, lượng nhập khẩu bông đã vượt quá 4 lần so với định mức phân phối, mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu đạt trên 40%, ở mức độ rất lớn đã ảnh hưởng đến sản xuất trong nước và vấn đề tăng thu của nông dân, thu hút sự chú ý rộng rãi trong nước.

Điểm đặc biệt đáng được coi trọng là, số lượng hạn ngạch phân phối thuế quan nhập khẩu lương thực Trung Quốc mỗi năm đạt 2216 vạn tấn, chiếm 15% lượng hàng hoá. Theo nhu cầu lương thực của Trung Quốc, hạn ngạch phân phối giảm xuống thành lương thực thô (bao gồm hạn ngạch phân phối dầu đậu nành thành đậu tương), thì số lượng hạn ngạch phân phối nhập khẩu lương thực đạt 4107 vạn tấn, tương đương với 8-9% tổng lượng tiêu thụ lương thực trong nước<sup>(6)</sup>. Nếu như, nhập khẩu toàn bộ vào

thị trường trong nước sẽ nảy sinh những ảnh hưởng sâu sắc: *Một là*, sẽ vượt quá mục tiêu tỷ lệ tự cung cấp 95% lương thực đề ra năm 1996 của Trung Quốc. *Hai là*, tạo thách thức đối với mục tiêu điều chỉnh “cân bằng chặt chẽ cung cầu lương thực giá cao”, trong tình hình thị trường có lợi cho người nông dân trồng trọt hiện nay, nhập khẩu lương thực sẽ tăng áp lực giá cả trong nước, trực tiếp tổn hại đến lợi ích của nông dân trồng trọt, không có lợi cho tăng sản xuất lương thực trong nước. *Ba là*, ảnh hưởng đến sự phát huy hiệu ứng chính sách hỗ trợ nông dân của Chính phủ, đặc biệt sẽ làm giảm thấp vai trò tích cực của biện pháp hỗ trợ sản xuất lương thực hiện có.

*Thứ hai*, nhập siêu hàng nông sản có khả năng sẽ trở thành thường xuyên. Năm 2004, lần đầu tiên nông sản phẩm xuất hiện nhập siêu mậu dịch 4,64 tỷ USD, năm 2005 - 2006 tiếp tục duy trì cục diện nhập siêu. Căn cứ vào kết cấu cung cầu nông sản phẩm của Trung Quốc và đặc trưng tự nhiên của tài nguyên nông nghiệp, chúng tôi có phán đoán ban đầu, sau này mậu dịch nông sản phẩm Trung Quốc sẽ xuất hiện xu thế nhập lớn hơn xuất, nhập siêu thường xuyên. Đây là một trong những nhân tố tiềm tàng ảnh hưởng đến cân bằng thu chi quốc tế.

*Thứ ba*, độ khó trong việc quản lý và dự phòng rủi ro thị trường quốc tế tăng lên. Cùng với việc mở cửa đối ngoại toàn diện của các lĩnh vực, những rủi ro, thách thức của thị trường quốc tế mà Trung Quốc phải đối mặt ngày càng

nhiều, độ khó trong dự phòng và hoá giải ngày càng lớn. Rủi ro của thị trường nông sản quốc tế vô cùng phức tạp. Ví dụ, cuối tháng 4-2004, giá cả thị trường đậu tương quốc tế biến động mạnh, rủi ro thị trường thông qua hệ thống tiêu thụ của công ty xuyên quốc gia nhanh chóng chuyển vào thị trường trong nước, dẫn đến doanh nghiệp ép đậu tương trong nước bị tổn thất toàn diện, tổn thất theo tính toán ban đầu đến 5 tỷ NDT.

*Thứ tư*, môi trường mậu dịch nông sản phẩm quốc tế ngày càng phức tạp. Trung Quốc sẽ bước vào thời kỳ cọ sát thương mại cao. Hàng rào thương mại mang tính kỹ thuật, chống bán phá giá, điều khoản bảo đảm đặc biệt<sup>(7)</sup> v.v... sẽ trở thành rào cản chủ yếu trong xuất khẩu hàng nông sản của Trung Quốc từ nay về sau, các kiểu hàng rào mới như "hàng rào dư luận"<sup>(8)</sup> cũng có xu thế tăng lên. Các nước phát triển tiếp tục hỗ trợ lớn đối với nông nghiệp, buôn bán hàng nông sản quốc tế bị bóp méo nghiêm trọng, bước đi của quy tắc mới và trình tự mới trong mậu dịch nông nghiệp quốc tế thiết lập tại đàm phán Doha rất khó khăn. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc Trung Quốc phát huy ưu thế so sánh, mở rộng ưu thế xuất khẩu hàng nông sản trong một thời gian từ nay về sau.

Trong thời gian từ nay về sau, vừa không có lợi cho Trung Quốc phát huy và mở rộng ưu thế xuất khẩu nông sản phẩm, vừa có thể do sự tăng giá mạnh của nhập khẩu nông sản phẩm, hình thành xung đột đối với thị trường nông sản trong nước. Trong bối cảnh dân số nông thôn Trung Quốc chưa có chuyển

đổi lớn, điều này sẽ ảnh hưởng đến vấn đề việc làm và thu nhập của phần lớn nông dân, từ đó ảnh hưởng đến vấn đề mang tính toàn cục là cải cách phát triển kinh tế và ổn định xã hội của Trung Quốc.

### **III. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG TỪ NAY VỀ SAU**

Từ những năm 90 thế kỷ XX đến nay, nông nghiệp Trung Quốc phát triển sang giai đoạn mới, quan hệ cung cầu nông sản có những thay đổi quan trọng, có bước chuyển đổi mang tính lịch sử từ thiếu hụt lâu dài sang cơ bản cân bằng tổng lượng, phong phú có dư. Sự thay đổi rõ rệt của việc nâng cao mức thu nhập, kết cấu nhu cầu tiêu dùng, hàng nông sản từ chủ yếu là nhu cầu về số lượng chuyển sang nhu cầu song trùng cả số lượng và chất lượng; nông nghiệp phát triển chuyển từ chủ yếu chịu sự trói buộc của tài nguyên trước kia sang trói buộc song trùng của tài nguyên và thị trường. Cuối năm 2001, Trung Quốc gia nhập WTO, đã đặt nông nghiệp Trung Quốc vào tiến trình nhất thể hoá kinh tế toàn cầu, phải đối mặt với thách thức song trùng của cạnh tranh giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Môi trường và điều kiện phát triển nông nghiệp Trung Quốc có những biến đổi to lớn.

Nhiều năm kể từ nay về sau, Trung Quốc đang ở vào giai đoạn phát triển mới với GDP bình quân đầu người từ 1000 USD đến 3.000 USD, sẽ bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, đô thị hoá và hiện đại hoá phát triển nhanh chóng.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, đây là cơ hội chiến lược để Trung Quốc phát triển, cũng là thách thức trước các mâu thuẫn nổi cộm. Trong thời kỳ quan trọng này, nỗ lực giải quyết vấn đề “tam nông”, tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ của nông nghiệp, kinh tế nông thôn đối với kinh tế quốc dân, không chỉ liên quan tới việc tăng thu nhập của nông dân, tăng hiệu quả của nông nghiệp và phát triển của nông thôn, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc nắm bắt cơ hội chiến lược của Trung Quốc, liên quan đến đại cục phát triển kinh tế quốc dân và xã hội. Tuy nhiên, nông nghiệp Trung Quốc hiện vẫn là một khâu yếu nhất trong nền kinh tế quốc dân, một số mâu thuẫn ở tầng thứ sâu ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa được giải quyết căn bản. Trong thời gian có thể dự đoán được, Trung Quốc là một nước nông nghiệp lớn đang phát triển, quá trình phát triển nông nghiệp sẽ phải đối mặt với ngày càng nhiều áp lực và thách thức, trong đó có một số vấn đề tương đối nổi cộm là:

1. Dân số và áp lực về nhu cầu tiêu thụ thực phẩm ngày càng tăng. Cuối năm 2006, dân số Trung Quốc là 1,314 tỷ người, dự tính đến năm 2010 sẽ lên đến 1,345 tỷ. Theo dự tính, với cơ cấu và tổng nhu cầu tiêu thụ thực phẩm hiện nay, đến năm 2010, lượng nhu cầu lương thực năm ít nhất cũng là 500 triệu tấn. Năng lực sản xuất lương thực của Trung Quốc hiện nay là 470 - 480 triệu tấn, muốn trong vài năm tới làm cho nông nghiệp khôi phục năng lực sản xuất 500 triệu tấn, về vật chất hay điều kiện kỹ

thuật cũng đều rất khó khăn. Làm thế nào để bảo đảm vấn đề an toàn lương thực cho dân số quy mô lớn là vấn đề chiến lược từ nay về sau mà nông nghiệp Trung Quốc không thể né tránh.

2. Mâu thuẫn trói buộc chặt chẽ của tài nguyên nông nghiệp ngày càng nổi cộm. Người đông đất ít là tình hình cơ bản của Trung Quốc. Hiện nay, diện tích canh tác bình quân đầu người của Trung Quốc không đến 5 mẫu, chỉ bằng 43% mức bình quân của thế giới. Xét về lâu dài, mâu thuẫn giữa dân số gia tăng, đất canh tác giảm, tài nguyên đất canh tác khó khăn sẽ luôn luôn tồn tại. Tài nguyên nước bình quân đầu người cũng chỉ bằng mức bình quân thế giới, hạn hán và thiếu nước nghiêm trọng đã trở thành “nút cổ chai” hạn chế sự phát triển nông nghiệp của khu vực Tây Bắc, Hoa Bắc và khu vực miền Trung. Sau này, những mâu thuẫn căng thẳng của tài nguyên nông nghiệp hạn chế nông nghiệp phát triển sẽ ngày càng nổi cộm, uy hiếp trực tiếp an toàn lương thực và cung ứng nông sản của Trung Quốc.

3. Sức cạnh tranh quốc tế của nông nghiệp trong thời gian ngắn khó có thể được nâng cao. Trong xu thế ngày càng đi sâu vào hệ thống thương mại thế giới, chênh lệch về kỹ thuật tiên tiến, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh chính thể của nông nghiệp Trung Quốc với các nước buôn bán sản nông nghiệp chủ yếu trong một thời gian ngắn không thể thay đổi. Trong thời gian tương đối dài này, các vấn đề như đầu tư nông nghiệp Trung Quốc chưa đủ, tiền nông thôn

thiếu hụt, yếu tố sản xuất chảy ra nước ngoài, hệ thống thị trường nông sản, hệ thống dịch vụ xã hội hoá nông nghiệp và hệ thống chính sách hỗ trợ đối với nông nghiệp của nhà nước không hoàn thiện v.v... khó có thể có thay đổi căn bản, việc nâng cao hơn nữa sức cạnh tranh của nông nghiệp Trung Quốc là rất khó khăn. Điều này cũng quyết định cục diện cạnh tranh nông nghiệp thế giới, nông nghiệp Trung Quốc phải hết sức phát huy ưu thế của mình, lựa chọn chiến lược phát triển đúng đắn.

4. Mâu thuẫn mang tính thể chế, tính chế độ ảnh hưởng đến sự phát triển của nông nghiệp và nông thôn bắt đầu xuất hiện. Trong bối cảnh đô thị hoá và công nghiệp hoá phát triển nhanh chóng, một số mâu thuẫn ở tầng thứ sâu trong cơ cấu nhị nguyên giữa thành thị và nông thôn tích tụ trong thời gian dài đã bắt đầu xuất hiện; chênh lệch thu nhập, mức độ hưởng dịch vụ công cộng và bảo hiểm xã hội của cư dân thành thị và nông thôn ngày càng mở rộng, diện mạo nông thôn và thành thị trái ngược nhau rất xa; hệ thống thị trường lưu động hợp lý các yếu tố giữa thành thị và nông thôn vẫn chưa hoàn thiện, những trở ngại mang tính thể chế ảnh hưởng đến sự dịch chuyển sức lao động nông thôn vẫn còn tồn tại, cơ hội việc làm, tăng thu nhập của nông dân khó có thể mở rộng. Về cơ bản, cơ cấu nhị nguyên thành thị - nông thôn ảnh hưởng đến sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc vẫn phải là một quá trình lâu dài.

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu cho thấy, hiện nay, nông nghiệp Trung Quốc đã gia nhập hệ thống thị trường thế giới ở mức độ tương đối lớn. Nông nghiệp Trung Quốc vừa hưởng đầy đủ lợi ích to lớn của toàn cầu hoá, đồng thời cũng trở thành động lực của tăng trưởng phát triển nông nghiệp thế giới, khiến cho nhiều quốc gia hơn nữa được hưởng lợi ích. Tuy nhiên, trong hệ thống thương mại thế giới, với tư cách là một nước lớn về dân số và nông nghiệp đang phát triển, những thách thức mà Trung Quốc phải đối mặt còn phức tạp hơn nhiều so với các nước khác. Nông nghiệp Trung Quốc vừa phải tiếp tục chia sẻ lợi ích to lớn của nhất thể hoá kinh tế toàn cầu, tiếp tục tham gia vào hệ thống thương mại thế giới, đồng thời cũng cần lựa chọn chiến lược phát triển chính xác, sử dụng biện pháp tích cực, thiết thực đối phó với mọi thách thức trong cạnh tranh quốc tế.

1. Mở rộng xuất khẩu hàng nông sản ưu thế của Trung Quốc. Một là cần tiếp tục hoàn thiện biện pháp chính sách thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản ưu thế, đặc biệt là cần xây dựng kế hoạch thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản một cách có hệ thống để tăng thêm sức hỗ trợ cho xuất khẩu hàng nông sản, nâng cao năng lực cạnh tranh của nông nghiệp Trung Quốc trong việc đối phó với tình hình thương mại thế giới ngày càng phức tạp, xoá bỏ những ảnh hưởng bất lợi của những biện pháp thương mại bất bình đẳng nước ngoài. Hai là cần phải kết hợp giữa nâng cao chất lượng hàng nông sản



xuất khẩu với việc phá vỡ hàng rào kỹ thuật của nước ngoài, giữa khuyến khích doanh nghiệp cải tạo kỹ thuật với thực thi chiến lược phát triển nhân lực, giữa phát huy ưu thế so sánh và ưu thế phát triển tương lai với việc xây dựng sức cạnh tranh hạt nhân, giữa chiến lược đa nguyên hoá thị trường với việc mở rộng thị trường trọng điểm, giữa ưu hoá môi trường xuất khẩu với việc hỗ trợ và phục vụ tốt cho xuất khẩu, xây dựng hệ thống hỗ trợ và phục vụ xuất khẩu hàng nông sản toàn diện, hệ thống và có hiệu quả. Ba là cần xoay quanh thị trường nông sản quốc tế, hàng nông sản ưu thế và doanh nghiệp xuất khẩu, đưa ra biện pháp chiến lược thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản có tính mũi nhọn, có hiệu quả, tạo môi trường trong nước và quốc tế thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng nông sản, nâng cao toàn diện sức cạnh tranh quốc tế của hàng nông sản Trung Quốc, thúc đẩy sự phát triển bền vững, nhanh chóng và vững mạnh của xuất khẩu hàng nông sản.

2. Ngăn chặn và xoá bỏ sự bùng nổ của hiện tượng nhập khẩu hàng nông sản gây xung đột với thị trường trong nước, như nắm chắc việc xây dựng cơ chế giám sát nhập khẩu hàng nông sản cùng cơ chế phản ứng nhanh và hệ thống dự báo tổn thất ngành nghề; vận dụng đầy đủ những biện pháp cứu trợ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp, biện pháp bảo hiểm; xây dựng cơ chế ứng phó nhanh nhằm ứng phó với việc trợ cấp ở mức cao của nông nghiệp nước ngoài.

3. Tích cực tham gia đàm phán Doha về WTO, thúc đẩy xây dựng nguyên tắc thương mại quốc tế công bằng, hợp lý. Trung Quốc nên tích cực tham gia vào đàm phán nông nghiệp Doha, phát huy hết vai trò một nước lớn đang phát triển, tranh thủ tối đa kết quả đàm phán có lợi cho mình, đặc biệt cần nắm chắc mấy điểm sau: *Một là*, kiên quyết yêu cầu các nước phát triển cắt bỏ, thậm chí xoá bỏ hỗ trợ nông nghiệp trong nước và hỗ trợ xuất khẩu, đặc biệt cần ngăn chặn nhóm các nước phát triển lợi dụng đàm phán Doha về nông nghiệp để hợp pháp hoá biện pháp bảo hộ nông nghiệp của họ trong WTO. *Hai là*, cam kết miễn giảm cho những mặt hàng nông sản trọng điểm có liên quan đến an ninh lương thực quốc gia, đến vấn đề việc làm ở nông thôn và tăng thu nhập cho người nông dân với tư cách là sản phẩm đặc thù của những quốc gia đang phát triển như lương thực..., tranh thủ một môi trường kinh tế quốc tế công bằng, hợp lý nhằm giải quyết vấn đề tam nông ở Trung Quốc.

---

### **CHÚ THÍCH**

1. Từ năm 1992, Trung Quốc đã bắt đầu sử dụng HS làm thống kê hải quan, vì vậy bài viết này lấy năm 1992 làm năm cơ bản để so sánh.

2. Hạn ngạch của tổng kim ngạch thương mại xuất nhập khẩu chiếm trong GDP.

3. Hạn ngạch của tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông sản chiếm trong giá trị gia tăng nông nghiệp, tức độ phụ thuộc thương

mại nông nghiệp.

4. Do giá trị gia tăng nông nghiệp quốc nội của Trung Quốc bao gồm cả giá trị gia tăng của ngành lâm nghiệp nên mức độ phụ thuộc vào thương mại của nông nghiệp bị đánh giá thấp. Đánh giá mức độ phụ thuộc thương mại thực tế của xuất khẩu nông nghiệp Trung Quốc chỉ khoảng 10 – 20%.

5. Đánh giá theo “Chỉ số phát triển thế giới” của Ngân hàng thế giới.

6. Không kể đậu tương nhập khẩu, năm 2006, đậu tương nhập khẩu đạt 28,27 triệu tấn

7. Theo quy định của Nghị định thư gia nhập WTO của Trung Quốc, trong 12 năm sau khi Trung Quốc gia nhập WTO (ngày 11-1-2001 đến 11-12-2013), sản phẩm sản xuất từ Trung Quốc khi xuất khẩu sang lãnh thổ của bất kỳ thành viên nào trong WTO, nếu tăng số lượng quá lớn, dẫn đến tạo thành “tổn hại nghiêm trọng” hoặc “đe dọa tổn hại nghiêm trọng” cho các ngành nghề tương quan của nước thành viên, thành viên WTO có thể tự áp dụng biện pháp bảo hộ đối với sản phẩm của Trung Quốc.

8. Vài năm gần đây, một số nước như Nhật Bản lợi dụng các phương tiện truyền thông như sách báo, vô tuyến, có ý xuyên tạc hàng nông sản Trung Quốc, ảnh hưởng đến tiêu dùng hàng nông sản Trung Quốc của người tiêu dùng những nước này, hình thành cái gọi là “hàng rào dư luận”.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fan S. (1991), *Các tác động của thay đổi công nghệ và tăng trưởng sản xuất của nông nghiệp Trung Quốc*, Am. J. Agric.Econ (73).

2. Fan S. và P. Pardey (1997), *Nghiên cứu về năng suất và tăng trưởng đầu ra của*

*nông nghiệp Trung Quốc*, Báo Phát triển kinh tế, số 53 (tháng 6 - 1997).

3. FAO, FAOSTAT.

4. Huang, J. và S. Rozelle (1996), *Thay đổi công nghệ: Tiếp tục tăng trưởng năng suất của kinh tế lúa gạo Trung Quốc*, Báo Phát triển kinh tế, số 49 (1996).

5. Lin, J.Y. (1992), *Cải cách nông thôn và tăng trưởng nông nghiệp ở Trung Quốc*, Tạp chí Kinh tế Mỹ, 82 (1992).

6. Ngân hàng thế giới (2004), *Các chỉ số phát triển của thế giới*, bản CD, 2004.

7. WTO (2003), *Thống kê thương mại quốc tế*, năm 2003.

8. Trần Tích Văn (2004), *“Vấn đề tam nông” của Trung Quốc đương đại*, Báo cáo nghiên cứu điều tra kinh tế nông thôn Trung Quốc, Nxb Kinh tế Sơn Đông.

9. Trình Quốc Cường (2004), *Xuất khẩu hàng nông sản Trung Quốc: tăng trưởng, kết cấu và công hiến*, “Quản lý thế giới”, số 10 (2004).

10. Trình Quốc Cường (2004): *Vấn đề phát triển ngành đỗ tương Trung Quốc*, Bản nội bộ.

11. Ban Hợp tác kinh tế mậu dịch đối ngoại, *Văn kiện pháp luật Trung Quốc gia nhập WTO*, năm 2001.

12. Cục Thống kê Nhà nước, *Niên giám thống kê Trung Quốc*, Nxb Thống kê Trung Quốc, các kỳ từ 1985 đến 2006.

13. Tổng cục Hải quan, *Niên giám hải quan Trung Quốc*, các kỳ từ 1992 - 2006.

14. Ngân hàng thế giới (1997), *Trung Quốc năm 2020*, Nxb Kinh tế tài chính Trung Quốc.

15. Ngân hàng thế giới (2004), *An ninh lương thực Trung Quốc*, Bản nội bộ.